

ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM CỦA THÁN TỪ TIẾNG HÁN (ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG VIỆT)

ON THE SIGNIFICANT PHONETIC CHARACTERISTICS OF CHINESE
INTERJECTIONS (IN CONTRAST TO VIETNAMESE)

ĐỖ THU LAN

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The article focuses on researching and analyzing the significant phonetic characteristics of Chinese interjections in contrast to Vietnamese ones. Through the analysis of practical examples using the Praat software, the article has proved that the tones of Chinese and Vietnamese interjections are peculiar, which are very different from the tones of other kinds of words in the same language system. When used in the utterance, under the influence of intonation, the tone of interjections in the Chinese and Vietnamese language can create different variations. Accordingly, the article also proposes a number of applications relating to the phonetic characteristics in the teaching of Chinese interjection.

Key words: Interjection; the phonetic; the tone; Chinese; Vietnamese.

1. Thán từ là một trong những từ loại phổ biến của mọi ngôn ngữ. Vì thế, thán từ được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong các tác phẩm văn chương. Với khả năng biểu cảm linh hoạt và tinh tế, thán từ có thể làm câu thoại trở nên sinh động, có thể làm cho thế giới tình cảm của con người thêm phần đa dạng, phong phú. Có thể nhận thấy, những cảm xúc mà thán từ biểu đạt thường rất phức tạp và tinh tế. Người sử dụng ngoại ngữ nếu có thể sử dụng chính xác thán từ thường được người bản ngữ đánh giá rất cao.

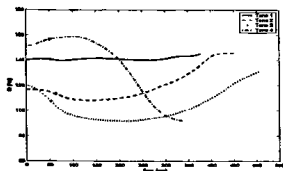
2. Khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp 150 sinh viên Việt Nam đang học tiếng Hán trình độ trung cấp, chúng tôi nhận thấy, 96% số người tham gia khảo sát phát âm chưa chính xác thán từ tiếng Hán trong các câu thoại của bài khóa. Đại đa số sinh viên được phỏng vấn nói rằng không tự tin khi sử dụng thán từ bằng ngoại ngữ, và một trong những nguyên nhân được nhiều người đề cập đến là do họ cảm thấy không tự nhiên, không “thuận tai” mỗi khi phải nói thán từ bằng tiếng Hán.

Vậy lí do nào khiến người học tiếng Hán thường gặp khó khăn trong việc phát âm hay sử dụng thán từ trong giao tiếp? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát đặc điểm ngữ âm của thán từ tiếng

Hán trong sự đối chiếu với thán từ tiếng Việt. Kết quả thu được sau khi phân tích các ví dụ thực tế bằng phần mềm Praat cho thấy, khi được sử dụng trong phát ngôn, dưới tác động của ngữ điệu, thanh điệu của thán từ trong tiếng Hán và tiếng Việt có sự khác biệt khá rõ nét so với các từ loại khác trong cùng hệ thống ngôn ngữ. Dưới đây, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày các đặc điểm ngữ âm này của thán từ tiếng Hán trong sự đối chiếu với thán từ tiếng Việt.

Thứ nhất, trong tiếng Hán phổ thông có năm loại thanh điệu là âm bình 55 (thanh 1), ví dụ: *ā, mā*; dương bình 35 (thanh 2), ví dụ: *á, má*; thường thanh 214 (thanh 3), ví dụ: *ǎ, mǎ*; khứ thanh 51 (thanh 4), ví dụ: *à, mà*. Ngoài ra, còn một thanh điệu nữa, đọc nhẹ và ngắn, không được biểu thị trong phiên âm tiếng Hán gọi là thanh nhẹ (thanh 5), ví dụ: *a, ma*. Tuy vậy, thanh điệu của thán từ thường vượt ra khỏi hệ thống này [6, tr. 10, 11]; có âm cao hơn (ví dụ thán từ 啊 biểu thị sự thất vọng, không đồng ý - Biểu đồ 2), có âm thấp hơn (ví dụ thán từ 唉 biểu thị nuối tiếc - Biểu đồ 3), có âm kéo dài hơn (ví dụ thán từ 喂 biểu thị sự ngạc nhiên - Biểu đồ 4), có âm ngắn hơn (ví dụ thán từ 喂 biểu thị sự buồn phiền - Biểu đồ

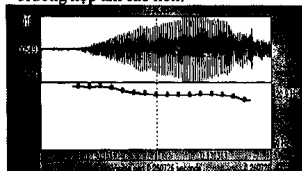
5). Có thể nhận thấy rõ điều này khi so sánh biểu đồ 1 - Biểu đồ thanh điệu tiếng Hán với các biểu đồ 2, 3, 4, 5 dưới đây:



Biểu đồ 1: Biểu đồ thanh điệu tiếng Hán
[Nguồn dẫn:

http://www.fed.cuhk.edu.hk/~hkier/jecc/jecc_v6n1/jecc_v6n1_07gb.htm]

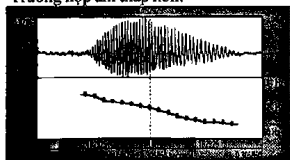
- Trường hợp âm cao hơn:



Biểu đồ 2: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ '嗨'

Trong câu "嗨，谁告诉你那是一座新房子啊?"

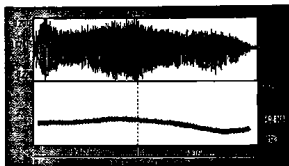
- Trường hợp âm thấp hơn:



Biểu đồ 3: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ '嗨'

Trong câu "嗨，别提了！"

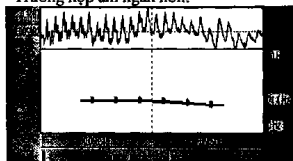
- Trường hợp âm kéo dài hơn:



Biểu đồ 4: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ '噢' (1)

Trong câu "噢，怎么回事呀!"

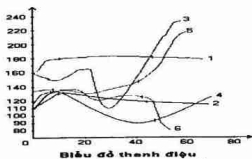
- Trường hợp âm ngắn hơn:



Biểu đồ 5: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ '噢'

Trong câu "现在，噢，可是糟了，我已有七八个月不曾到过电影院了！"

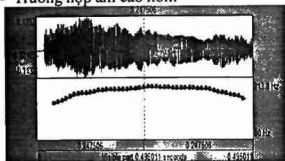
Giống như tiếng Hán, tiếng Việt cũng là một ngôn ngữ có thanh điệu, với 6 thanh điệu khác nhau là: huyền (thanh 2), hỏi (thanh 3), ngã (thanh 4), sắc (thanh 5), nặng (thanh 6). Một số âm tiết khi viết không có dấu, nhưng khi phát âm vẫn có thanh điệu phân biệt với các thanh khác gọi là thanh không dấu (thanh 1) [theo 1]. So sánh với sáu thanh điệu cơ bản này của tiếng Việt, có những thán từ có âm đọc cao hơn (ví dụ thán từ *a* biểu thị sự vui mừng, ngạc nhiên), có thán từ có âm đọc thấp hơn (ví dụ thán từ *hừm* biểu lộ sự bức tức hoặc đe dọa), có thán từ có âm đọc kéo dài hơn (ví dụ thán từ *ừ* biểu thị sự nể nuj) và cũng có những thán từ có âm đọc ngắn hơn (ví dụ thán từ *hừ* biểu lộ sự bức tức, khó chịu). Đối chiếu biểu đồ 6: Biểu đồ thanh điệu tiếng Việt với các biểu đồ 7, 8, 9, có thể nhận thấy rõ sự khác biệt giữa chúng.



Biểu đồ 6: Biểu đồ thanh điệu tiếng Việt
[Nguồn dẫn:

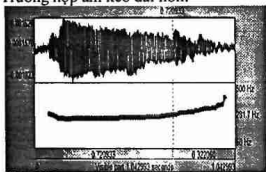
http://ngonngu.net/index.php?p=64#_dieu

- Trường hợp âm cao hơn:



Biểu đồ 7: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ "A", trong câu: "A, mẹ đã về!"

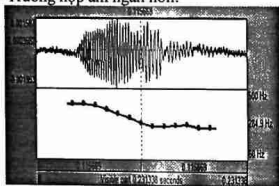
- Trường hợp âm kéo dài hơn:



Biểu đồ 8: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ "Ừ"

Trong câu: "Ừ, con không đi đâu!"

- Trường hợp âm ngắn hơn:



Biểu đồ 9: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ "Hừ"

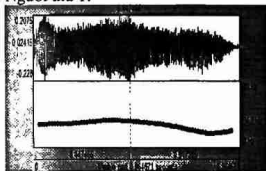
Trong câu: "Thế mà chịu được à, hừ!"

Thứ hai, thanh điệu của một thán từ tiếng Hán, trong cùng một câu, vào các tình huống giao tiếp khác nhau có thể tạo ra những biến thể khác nhau. Ví dụ: trong bài 巨人的花园

(Vườn hoa của người khổng lồ), thán từ 噢

trong câu "噢, 这怎么回事呀!" (Ồ, chuyện gì xảy ra vậy nhỉ!) có thể được đọc với các âm vực không giống nhau. Khảo sát bằng phần mềm Praat phát âm của 3 người Trung Quốc khác nhau, chúng tôi thu được các kết quả khác nhau sau đây:

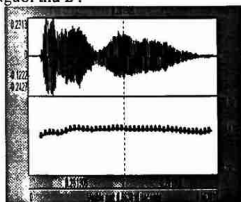
- Người thứ 1:



Biểu đồ 10a: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 噢 (1)

Trong câu: "噢, 这怎么回事呀!"

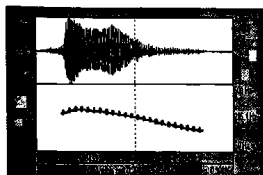
- Người thứ 2:



Biểu đồ 10b: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 噢 (2)

Trong câu: "噢, 这怎么回事呀!"

- Người thứ 3:

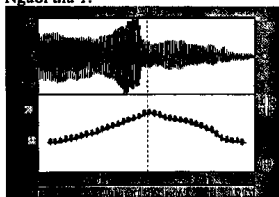


Biểu đồ 10c: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 噢 (3)

Trong câu: “噢, 这是什么回事呀!”

Đối với tiếng Việt, bằng cách yêu cầu ba người Việt Nam cùng đọc câu thơ: “Ồ! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ. Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi” (Tổ Hữu). Sau đó, dùng phần mềm Praat để phân tích âm vực và âm điệu của của thán từ “ôi”, chúng tôi cũng thu được các kết quả khác nhau tương tự như khi khảo sát trong tiếng Hán như sau:

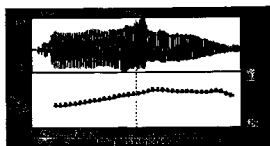
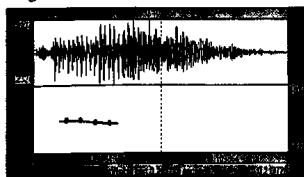
- Người thứ 1:



Biểu đồ 11a: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ “Ồ”(1)

Trong câu: “Ồ! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ. Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi”

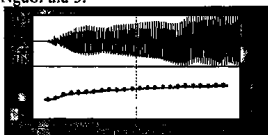
- Người thứ 2:



Biểu đồ 11b: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ “Ồ”(2)

Trong câu: “Ồ! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ. Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi”

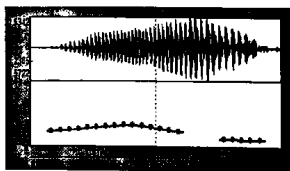
- Người thứ 3:



Biểu đồ 11c: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ “Ồ”(3)

Trong câu: “Ồ! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ. Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi”

Thứ ba, cùng một thán từ nhưng khi xuất hiện trong những câu thoại khác nhau, độ cao và hướng thăng giáng thanh điệu của thán từ đó cũng có thể không xác định [6, tr 10]. Ví dụ, thán từ 啊 [à] với ngữ điệu lên cao (biểu thị sự ngạc nhiên), ở những mức độ cảm thán khác nhau, có thể được phát âm với âm vực khác nhau. Ghi âm cách phát âm của thán từ 啊 biểu thị sự ngạc nhiên trong hai câu hội thoại tiếng Hán khác nhau và phân tích bằng phần mềm Praat chúng tôi thu được hai kết quả khác nhau như sau:

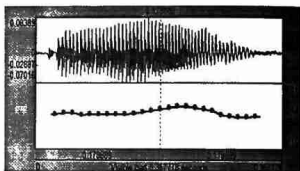
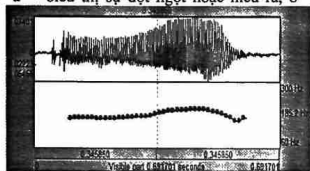


B.đồ12: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 啊 B.đồ13: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 啊

Trong câu: “啊，刮风了” Trong câu: “啊，小林。你不是到台湾开学 术讨论会去了吗？”

những mức độ cảm thán khác nhau, cũng có thể được phát âm thành các âm vực khác nhau như sau:

Trong tiếng Việt cũng vậy, cùng một thán từ “à” - biểu thị sự đột ngột hoặc hiểu ra, ở

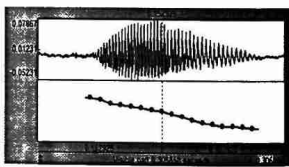
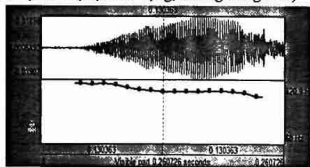


B.đồ14: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ “à” B.đồ15: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ “à”

Trong câu: “À, nhớ ra rồi.” Trong câu: “À, ra thế.”

Thứ tư, trường hợp thán từ có cùng một loại thanh điệu, độ cao và hướng thăng giáng thanh điệu của nó cũng có thể không xác định [6, tr. 10]. Ví dụ, trong các sách tra cứu, thán từ 嗨 (biểu thị sự thất vọng, không đồng tình)

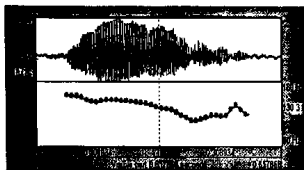
và thán từ 嗨 (biểu thị sự nuối tiếc) đều mang thanh 4. Thế nhưng thán từ 嗨 thường được phát âm rất cao. Trong khi đó, thán từ 嗨 thì lại được phát âm tương đối thấp. Xem biểu đồ minh họa:



B.đồ16: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 嗨 B.đồ17: Biểu đồ thông số Pitch của thán từ 嗨

Trong câu “嗨，谁告诉你那是一座新房子的啊？” Trong câu “嗨，别提了！”

Trong tiếng Việt cũng vậy, cùng mang thanh 1, nhưng các thán từ “ha”, “ơ” được phát âm với các âm vực khác hẳn nhau. Xem biểu đồ minh họa:



B.đồ 18: B.đồ thông số Pitch của thanh từ "ha". Trong câu "Ha! thích quá!"

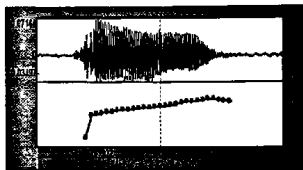
Tuy nhiên, cho dù thanh điệu của thanh từ rất đặc thù so với thanh điệu của các từ loại khác, và cho dù thanh điệu của thanh từ luôn luôn vượt ra ngoài hệ thống ngữ âm của một ngôn ngữ, thì nó vẫn có những đặc điểm gần gũi với đường nét âm điệu của nhóm các thanh điệu cơ bản. Nói cách khác, tuy rằng âm vực của thanh từ có những điểm khác biệt về âm vực so với các thanh điệu cơ bản, nhưng các kiểu đường nét âm điệu như bình (bằng phẳng), thăng (lên), khúc (gãy), giáng (xuống) về đại thể là như nhau. Đây chính là cơ sở để có thể đại thể ghi "thanh điệu" cho thanh từ trong các từ điển và sách giáo khoa tiếng Hán và tiếng Việt.

3. Có thể thấy, chính những đặc trưng về ngữ âm của thanh từ tiếng Hán được đề cập bên trên là một trong những nguyên nhân gây khá nhiều trở ngại cho người học khi sử dụng thanh từ trong giao tiếp. Xuất phát từ thực tế này, chúng tôi xin được đưa ra một số đề xuất bước đầu, hi vọng có thể giảm bớt khó khăn cho người dạy và người học ngoại ngữ nói chung, đồng thời có thể góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập thanh từ tiếng Hán.

Thứ nhất, khi giảng dạy về thanh từ tiếng Hán, giảng viên cần lưu ý cho sinh viên về 4 đặc trưng cơ bản về ngữ âm của thanh từ trong tiếng Hán là:

(1) Thanh điệu của thanh từ thường vượt ra khỏi hệ thống các thanh điệu cơ bản.

(2) Trong cùng một câu, vào các tình huống giao tiếp khác nhau, thanh điệu của một thanh từ có thể tạo ra những biến thể khác nhau.



B.đồ 19: B.đồ thông số Pitch của thanh từ "o" Trong câu "O! anh cũng ở đây à?"

(3) Cùng một thanh từ, nhưng khi xuất hiện trong những câu thoại khác nhau, độ cao và hướng thăng giáng thanh điệu của thanh từ đó cũng có thể không xác định.

(4) Trường hợp thanh từ có cùng một thanh điệu, độ cao và hướng thăng giáng thanh điệu của nó cũng có thể không xác định.

Bên cạnh đó, giảng viên cũng nên đối chiếu với những đặc trưng ngữ âm cơ bản này của thanh từ tiếng Hán với các đặc điểm tương đồng của thanh từ tiếng Việt để người học có thể dễ dàng nhận biết và nắm bắt.

Thứ hai, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên cách nhận biết về mối liên hệ khá chặt chẽ giữa đặc điểm về thanh điệu và âm tiết với ý nghĩa biểu thị của thanh từ trong tiếng Hán. Có thể dựa vào mối quan hệ giữa thanh điệu, đặc điểm phát âm với ý nghĩa biểu thị để nhận biết, phỏng đoán ý nghĩa, sắc thái biểu cảm của thanh từ tiếng Hán. Cụ thể như sau:

(1) Đặc điểm về thanh điệu

a. Thanh bình (ˉ): thường phát âm tương đối ngắn, biểu thị ý nghĩa bất ngờ, lấy làm lạ hoặc khen ngợi. Ví dụ: 嗨, 街上多热闹啊!

(Chào, phố phường thật náo nhiệt!)

b. Thanh thăng (ˊ) thường biểu thị sự ngạc nhiên, nghi ngờ hay hỏi dồn. Ví dụ: 喂, 他也去了? (Ồ, anh ấy cũng đi rồi à?)

c. Thanh giáng (ˋ) thường biểu đạt ý nhắc nhở, không hài lòng, hay sự hối hận, tình ngộ. Ví dụ: 喂, 你听见没有? (Này, anh có nghe thấy không đấy hả?)

d. Thanh gãy (V) thường biểu thị ý trêu đùa. Ví dụ: 噢, 你们刚好碰见哪。(Ồi, các bạn vừa hay gặp nhau nhỉ).

e. Thanh giáng thẳng (V) thường biểu thị ý phủ định, không vui. Ví dụ:

噢, 这么说就不对了。(Này, nói thế là không đúng đâu đấy.)

(2) Đặc điểm về phát âm

a. Trong khá nhiều trường hợp, thanh từ biểu thị sự ngạc nhiên hay khen ngợi được bắt đầu bằng nguyên âm [a] hoặc nguyên âm [o], cũng có trường hợp dùng cách lặp lại hai nguyên âm này để phát âm kéo dài thanh từ, hoặc thêm một âm sát mặt lưỡi ở phía trước để tạo sự căng thẳng trong phát âm, ngoài ra, còn có trường hợp nâng cao phần lưỡi phía trước tạo thành nguyên âm [i]. Ví dụ:

(1) 啊呀! 把我的药瓶的封口都弄坏了。(Trời a! làm rách mất niêm phong lọ thuốc của tôi rồi.)

(2) 哦! 我有这样赎不了的大错。(Ồi! Tôi mắc lỗi lớn rồi.)

(3) 喂! 您来了。(Ồ kia! Ông đã đến.)

(4) 噢! 好了! 我中了。(Ấy! Tốt quá! Tôi trúng rồi.)

b. Trong một số trường hợp, những thanh từ dùng để biểu thị sự thương cảm hoặc thương tiếc có thể dựa vào việc kéo dài nguyên âm [a], phần lưỡi phía trước nâng cao, âm điệu từ từ hạ thấp làm cho âm phát ra trở nên trầm thiết, cũng có trường hợp lặp lại thanh từ, thêm âm ma sát... Ví dụ:

(1) 唉! 天天为了这两顿饭, 就得把人磨死!(Ồi, vì hai bữa ăn mỗi ngày mà mệt đến đứt cả hơi.)

(2) 哎呀呀! 不好了, 女儿不见了。(Trời ơi! Hỏng rồi, không thấy con gái đâu nữa.)

c. Những thanh từ biểu thị phần nộ hoặc xem thường, thông thường, là những tình cảm bột phát, xuất hiện khá tự nhiên, cho nên thường

sử dụng phụ âm và dùng khá nhiều âm tắc. Ví dụ:

(1) 呸! 哪个要你的臭袜子!(Hừ! Ai cần cái tất thối của mày!)

(2) 呸! 老白毛! 老废物! 不知趣的老奶牛!(Xì! Đồ đầu bạc! Đồ xấu xa! Đồ nhà quê không biết điều!)

4. Khi được sử dụng trong phát ngôn, dưới tác động của ngữ điệu, thanh điệu của thanh từ tiếng Hán biến đổi rất phức tạp, có thể tạo ra nhiều biến thể khác nhau, rất khó nắm bắt. Chính những đặc trưng này là nguyên nhân khiến rất nhiều người cho rằng thanh từ là thành phần khó sử dụng nhất khi học tiếng Hán. Để giúp người học có thể phát âm chính xác thanh từ tiếng Hán, việc đối chiếu các đặc trưng cơ bản về ngữ âm giữa thanh từ tiếng Hán và thanh từ tiếng Việt là cần thiết. Hi vọng những đề xuất trong bài viết có thể góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như khả năng nắm bắt, sử dụng thanh từ trong quá trình dạy và học tiếng Hán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quang Thiêm (2008), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. 曹乃木 (1984), 《现代汉语叹词的注音》 《辞书研究》第02期, (162-163).
3. 刘宁生 (1987) 《叹词研究》, 南京师范大学报(社会科学版)第03期, (49-55).
4. 徐世荣 (1983), 《叹词注音时能够使用字符符号吗?》, 载《中国语文通讯》第3期 (23-27).
5. 姚锡远 (1996) 《现代汉语叹词研究》 《河南大学学报》(社会科学版) 第04期, (60-63).
6. 谢仁友 (2008), 《汉字的本质特点, 注音和词形》, 辞书研究第三期, (9-16).